|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 番号 | 見出し／本文 | ベトナム語 |
| 20 | 悪徳商法に注意してください | Hãy chú ý đến thương mại phi đạo đức |
| 震災など、社会が混乱している時には、その災害を利用した悪質な商法や、不安な気持ちや善意の気持ちに付け入る詐欺などが起こりやすくなります。またこれは、被災地だけではなく周辺の地域でも起こります。以下が主な例です。被害に遭わないよう気をつけてください。○　義援金詐欺「日本赤十字」などと実際にある団体を名乗り、義援金をだましとろうとする。○　住居のリフォーム詐欺「今すぐ修理が必要である」などと住民の不安をあおり、高額な契約をさせる。○　必要品を高額で売りつける乾電池、ガソリンなどの生活必需品を「もうすぐ買えなくなる」などと言って、高額で売る。○ボランティアを装う「何か困っていることはありませんか」などとボランティアを装い、頼んだ後で高額な料金を請求する。おかしいと思った時や、被害にあってしまった時は、市町村の相談窓口や警察等にすぐに相談してください。 | Khi xã hội đang hỗn loạn như trường hợp thảm họa động đất, thường nhiều sự kiện xảy ranhư là buôn bán phi đạo đức lợi dụng thảm hoạ, và vụ lừa đảo lợi dựng tình cảm bất ổnhoặc lương thiện của con người. Những vụ này hay xảy ra không chỉ ở khư vực thảm hoạ,mà cũng ở khư vực xung quanh.Xin giới thiệu một số ví dụ điển hình sau. Quý vị hãy cẩn thận để không bị lừa đảo.+ Lừa đảo tiền ủng hộKẻ lừa đảo giả vờ là một tổ chức có tồn tại trong thực tế như “Hội chữ thập đỏ Nhật Bản”,và lừa gạt lấy tiền ủng hộ.+ Lừa đảo sửa chữa nhà cửaKẻ lừa đảo nói “Cần phải sửa chữa nhà cửa ngay lập tức”, v...v, để kích động tâm lý lo lắngcủa nhân dân, và ép họ cam kết hợp đồng đắt tiền.+ Bán mặt hàng thiết yếu với giá không chính đángKể lừa nói “sau này không mua được nữa”, v...v, và bán các loại mặt hàng thiết yếu như pin,xăng dầu với giá đắt đỏ.+ Gỉa vờ người tình nguyệnKẻ lừa đảo giả vờ là người tình nguyện nói “Tôi có gì giúp được không?”, v...v, và yêu cầutrả tiền sau khi xong việc.Khi quý vị thấy đáng ngờ, hay khi đã bị lừa đảo, xin hãy liên lạc ngay đến quầy tư vấn tạilàng, xã, thành phố hoặc lập tức liên hệ với cảnh sát. |